|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **HUYỆN TIỂU CẦN**  Số: /BC-UBND  (Dự Thảo) | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  *Tiểu Cần, ngày 27 tháng 10 năm 2022* |

**BÁO CÁO**

**Về việc thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn**

**nông thôn mới nâng cao cho xã Hiếu Trung năm 2022**

Căn cứ Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 16/6/2022 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII “về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và bộ tiêu chí quốc gia về bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định 18/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ “về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025”;

Căn cứ Quyết định số 1306/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh “về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới và bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 20/7/2021 của Tỉnh ủy về xây dựng tỉnh Trà Vinh đạt chuẩn nông thôn mới trước năm 2025;

Căn cứ Kế hoạch số 36-KH/HU ngày 06/8/2021 của Huyện ủy về thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 20/7/2021 của Tỉnh ủy về xây dựng tỉnh Trà Vinh đạt chuẩn nông thôn mới trước năm 2025;

Căn cứ Kế hoạch số 02/KH-BCĐ ngày 16/9/2022 của Ban Chỉ đạo huyện về triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới huyện Tiểu Cần năm 2022;

Căn cứ đề nghị của UBND xã Hiếu Trung tại Tờ trình số 39/TTr-UBND ngày 21/10/2022 về việc thẩm tra, đề nghị xét công nhận xã Hiếu Trung đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao năm 2022.

Căn cứ kết quả thẩm tra, đánh giá cụ thể thực tế xây dựng xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn xã Hiếu Trung, UBND huyện Tiểu Cần báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao năm 2022 đối với xã Hiếu Trung, cụ thể như sau:

**I. KẾT QUẢ THẨM TRA**

**1. Về hồ sơ**

Hồ sơ đề nghị thẩm tra, xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2022 của xã Hiếu Trung gồm:

- Tờ trình số 39/TTr-UBND ngày 21/10/2022 về việc thẩm tra, đề nghị xét công nhận xã Hiếu Trung đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao năm 2022.

- Biên bản họp ngày 20/10/2022 của UBND xã Hiếu Trung đề nghị xét, công nhận xã Hiếu Trung đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2022.

- Báo cáo số 119/BC-UBND ngày 19/10/2022 của UBND xã Hiếu Trung về kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao đến năm 2022 trên địa bàn xã Hiếu Trung, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

- Báo cáo số 117/BC-UBND ngày 17/10/2022 của UBND xã Hiếu Trung về tổng hợp ý kiến của Mặt trận Tổ quốc, Tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới nâng cao năm 2022 trên địa bàn xã Hiếu Trung, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

- Báo cáo số 118/BC-UBND ngày 17/10/2022 của UBND xã Hiếu Trung về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới nâng cao trên địa bàn xã từ năm 2015 - 2022.

- Hình ảnh minh họa về kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao của xã Hiếu Trung.

**2.Về kết quả chỉ đạo thực hiện xây dựng xã nông thôn mới nâng cao**

Căn cứcác văn bản của Trung ương, tỉnh, huyện và trên cơ sở quan điểm lãnh, chỉ đạo của tỉnh, huyện, xã Hiếu Trung ban hành 12 văn bản triển khai thực hiện Chương trình. Tiến hành kiện toàn Ban chỉ đạo và tổ chức thực hiện các hoạt động của Ban Chỉ đạo cụ thể:

- Ủy ban nhân dân xã ban hành Quyết định số 71/QĐ-UBND ngày 6/9/2022 về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia và Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa xã Hiếu Trung giai đoạn 2021 – 2025 với 27 thành viên do đồng chí Chủ tịch UBND xã làm Trưởng ban; Ban hành Quyết định số 73/QĐ-BCĐ ngày 10/9/2022 về việc thành lập Ban quản lý các chương trình mục tiêu Quốc gia và Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa xã Hiếu Trung giai đoạn 2021 – 2025; Ban hành 6 quyết định thành lập Ban phát triễn 6/6 ấp[[1]](#footnote-1).

- Ban chỉ đạo xã Quyết định số 01/QĐ-BCĐ ngày 10/9/2022 về việc thành lập Tổ giúp việc BCĐ các Chương trình mục tiêu Quốc gia và Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa xã Hiếu Trung giai đoạn 2021 – 2025;

- Ban chỉ đạo có xây dựng kế hoạch phân công nhiệm vụ cụ thể từng thành viên phụ trách từng tiêu chí và báo cáo trực tiếp kết quả được phân công phụ trách qua cuộc họp báo chiều thứ 2 hàng tuần theo quy chế; thường xuyên sơ, tổng kết và đề ra giải pháp thực hiện thời gian tới.

**3.** Xã Hiếu Trung đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới năm 2014 theo Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ và tiếp tục giữ vững các tiêu chí theo Quyết định 1980 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định 2061 của UBND tỉnh Trà Vinh.

**4. Về kết quả thực hiện và mức độ đạt chuẩn các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao**

**4.1. Tiêu chí số 1 về quy hoạch:**

**a) Yêu cầu của tiêu chí**

**4. 1.1** Có quy hoạch chung xây dựng xã còn thời hạn hoặc đã được rà soát, điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

**4.1.2** Có chế độ quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch.

**4.1.3** Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoạch chi tiết xây dựng khu dân cư mới phù họp với kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên.

**b) Kết quả thực hiện:**

Xã có thực hiện điều chỉnh bổ sung quy hoạch theo quy định. Được UBND huyện phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch và đồ án điều chỉnh quy hoạch. Các bản vẽ quy hoạch được niêm yết công khai tại UBND xã để người dân biết và thực hiện. Có quy chế quản lý quy hoạch được UBND huyện phê duyệt. Nhìn chung xã đã cơ bản thực hiện đúng theo quy hoạch. Cụ thể:

**4.1.1.** Xã có lưu trữ đầy đủ hồ sơ quy hoạch chung xây dựng xã Nông thôn mới được phê duyệt theo quy định[[2]](#footnote-2); Bản đồ quy hoạch được công bố niêm yết công khai tại UBND xã để người dân biết và thực hiện.

**4.1.2.** Xã có quy định quản lý quy hoạch được Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt[[3]](#footnote-3) và tổ chức triển khai thực hiện theo quy hoạch được duyệt*.*

**4.1.3.** Xã có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã và quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với quy hoạch cấp trên.

***\* Tổng kinh phí thực hiện: 7,750 tỷ đồng, trong đó:***

*Vốn tỉnh: 7,750 tỷ đồng.*

**c) Đánh giá: *Đạt so yêu cầu tiêu chí***

**4.2. Tiêu chí số 2 về giao thông:**

**a) Yêu cầu của tiêu chí**

**4.2.1** Tỷ lệ đường xã được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, giảm tốc độ, cây xanh ..) theo quy định (100%).

**4.2.2** Tỷ lệ đường ấp và đường liên ấp;

- Được cứng hóa và bảo trì hàng năm (100%).

- Có các hạng mục cần thiết theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, giảm tốc độ, cây xanh ..) và đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp (≥80%).

**4.2.3** Tỷ lệ đường ngõ, xóm được cứng hóa, đảm bảo sáng xanh sạch đẹp (≥90%).

**4.2.4** Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyễn hàng hóa (≥70%).

**b) Kết quả thực hiện**

Từ khi được công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới đến nay, xã Hiếu Trung tiếp tục được đầu tư thực hiện các công trình như: Xây dựng mới, sửa chữa nâng cấp 06 tuyến trục ấp, đường ngõ xóm, dài 10.500m. Xây dựng mới 01 tuyến đường trục chính nội đồng dài 4.200m. Nâng cấp và hoàn thiện 04 cây cầu và có 23 tuyến đường ngõ xóm được gắn đèn chiếu sáng.

**4. 2.1.** Xã có 4 tuyến đường xã dài 13,2km được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp. Đồng thời các tuyến đường có đầy đủ các hạng mục cần thiết như: biển báo, chỉ dẫn, chiếu sáng giảm tốc độ, cây xanh ...

**4.2.2.** Xã có 05 tuyến đường liên ấp dài 16,7km, được cứng hóa, đạt 100%. Có các hạng mục cần thiết theo quy định, luôn được bảo trì không để hư hỏng ảnh hưởng đến giao thông, đảm bảo là đoạn đường sáng – xanh – sạch - đẹp, dọc 2 bên các tuyến đường trồng hơn 6.550 cây xanh[[4]](#footnote-4) nhằm tạo cảnh quan môi trường luôn đảm bảo.

**4.2.3.** Xã có 28 tuyến đường ngõ, xóm trong đó có 23/28 tuyến đảm bảo sáng – xanh – sạch – đẹp, dài 33,8km/36.4km đạt 92,8%.

**4.2.4.** Xã có 4 tuyến đường trục chính nội đồng, chiều dài 11,7 km đảm bảo vận chuyễn hàng hóa của người dân quanh năm. Đến nay đã được cứng hóa 04 tuyến, dài 11.7km, đạt 100%.

***\* Tổng kinh phí thực hiện: 242,55 tỷ đồng, trong đó:***

*- Vốn Trung ương: 217,07 tỷ đồng.*

*- Vốn địa phương:*

*+ Vốn tỉnh: 18,69 tỷ đồng.*

*+ Vốn huyện: 0,284 tỷ đồng.*

*+ Vốn tín dụng: 0,707 tỷ đồng*

*+ Vốn lồng ghép: 5,799 tỷ đồng*

*- Vốn dân: 30,49 tỷ đồng.*

**c) Đánh giá: *Đạt so yêu cầu tiêu chí***

**4.3. Tiêu số 3 về thủy lợi và phòng chống thiên tai.**

**a) Yêu cầu của tiêu chí**

**4.3.1** Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động (≥90%).

**4.3.2** Có ít nhất 01 tổ chức thủy lợi cơ sở hoạt động hiệu quả, bền vững.

**4.3.3** Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước(≥50% diện tích cây trồng chủ lực của xã được tưới tiên tiến tiết kiệm nước).

**4.3.4.** Có 100% số công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm.

**4.3.5.** Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi.

**4.3.6.** Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ.

**b) Kết quả thực hiện tiêu chí**

Xã được trên đầu tư nạo vét lại 25 tuyến kênh cấp 3 với tổng chiều dài 8.690m, 8 tuyến kênh cấp 2 với tổng chiều dài 7.936m, đảm bảo phục vụ tốt cho nhu cầu sản xuất của người dân, đặc biệt là Nông nghiệp. Trong công tác phòng chống thiên tai xã có tổ chức thực hiện tốt công tác tuyên truyền hướng dẫn kỹ năng ứng phó biến đổi khí hậu và phòng, chống thiên tai cho cán bộ ấp và Nhân dân trong xã, nhằm đảm bảo thực hiện tốt công tác ứng phó khi có thiên tai xảy ra. Cụ thể:

**4.3.1.** Xã có diện tích đất tự nhiên là 2.205 trong đó: diện tích đất nông nghiệp 1.761 ha. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới tiêu chủ động là 1.761 ha, đạt 100% diện tích.

**4.3.2.** Có 01 Ban quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi[[5]](#footnote-5) luôn được củng cố kiện toàn kịp thời đảm bảo các hệ thống kênh luôn được kiểm tra, phát hiện và đề xuất sữ lý các biện pháp xữ lý các trường hợp vi phạm bảo vệ công trình nếu có; đảm bảo lòng kênh thoáng không gây cản trở dòng chảy.

**4.3.3.** Toàn xã có 2.205 ha, diện tích đất tự nhiên được tiêu, 1.206/1.309ha diện tích đất trồng lúa được tưới tiêu tiên tiến, tiết kiệm nước, chiếm 92.13%.

**4.3.4.** Có 44 tuyến kênh dài 44,6 km. Các tuyến kênh luôn được nạo vét kịp thời đảm bảo nguồn nước phục vụ tưới tiêu cho sản xuất của người dân[[6]](#footnote-6).

**4.3.5.** Có 210 cơ sở sản xuất kinh doanh luôn đảm bảo các quy định về môi trường, có phương án bảo vệ môi trường, đạt 100%. Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi của các hộ trồng trọt và chăn nuôi luôn đảm bảo[[7]](#footnote-7) không gây ảnh hưởng đến ô nhiểm nguồn nước trên địa bàn.

**3.6.** Luôn kịp thời củng cố kiện toàn đội ngủ phòng chống thiên tai[[8]](#footnote-8), đồng thời xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện[[9]](#footnote-9) và chủ động phối hợp đưa cán bộ đi tập huấn nâng cao trình độ, năng lực. Đảm bảo yêu cầu chủ động theo phương châm 4 tại chổ, đội ngủ phòng chống thiên tai trên địa bàn xã luôn được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, kết quả đánh giá theo bảng chấm điểm được 100 điểm.

***\* Tổng kinh phí thực hiện: 5,46 tỷ đồng, trong đó:***

*- Vốn địa phương:*

*+ Vốn tỉnh: 2,50 tỷ đồng.*

*+ Vốn huyện: 1,15 tỷ đồng.*

*- Vốn dân: 1,81 tỷ đồng.*

**c) Đánh giá: *Đạt so yêu cầu tiêu chí***

**4.4. Tiêu chí số 4 về điện:**

**a) Yêu cầu của tiêu chí**

Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định (≥90%).

**b) Kết quả thực hiện tiêu chí**

Hiện trên địa bàn xã có 27,606 km đường dây trung thế; 65,17 km đường dây hạ thế và 46 trạm biến áp, dung lượng 4.380KVA đáp ứng phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh và sinh hoạt của nhân dân trên địa bàn xã, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện. Toàn xã có 2.641/2.651 hộ sử dụng điện thường xuyên và an toàn, đạt 99,6%. ***(tăng 1,32% so với năm 2014).***

***\* Tổng kinh phí thực hiện: 5,4 tỷ đồng, trong đó:***

*- Vốn doanh nghiệp: 2,947 tỷ đồng.*

*- Vốn dân: 2,45 tỷ đồng.*

**c) Đánh giá: *Đạt so yêu cầu tiêu chí***

**4.5. Tiêu chí số 5 về giáo dục:**

**a) Yêu cầu của tiêu chí:**

**4.5.1.** Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS, hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 và có ít nhất 01 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2 (100%).

**4.5.2.** Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi.

**4.5.3**. Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS (Mức độ 3).

**4.5.4.** Đạt chuẩn xóa mù chữ (Mức độ 2) .

**4.5.5**. Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại (Khá).

**4.5.6.** Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền.

**b) Kết quả thực hiện tiêu chí:**

**4.5.1.** Công tác đẩy mạnh phát triển giáo dục, nâng cao chất lượng dạy và học được tập trung thực hiện, cơ sở vật chất và thiết bị dạy học của các trường được quan tâm đầu tư xây dựng. Trên địa bàn xã 4/4 điểm trường *(Trường THCS; Trường TH Hiếu Trung A; Trường TH Hiếu Trung B; Trường Mẫu Giáo)* đạt chuẩn quốc gia về cơ sở vật chất và thiết bị dạy học, đạt 100%. Trong đó có 03 trường đạt chuẩn kiểm định cơ sở vật chất mức độ 2 *(Trường THCS, Trường TH Hiếu Trung A; Trường Mẩu giáo****)*** và 01 trường đạt mức độ 3 (trường Tiểu học Hiếu Trung B). ***(So với thời điểm được công nhận xã nông thôn mới năm 2014 tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia về cơ sở vật chất và thiết bị dạy học tăng 75% và tăng 03 trường đạt chuẩn quốc gia cấp độ II).***

**4.5.2.** Luôn duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi được trên công nhận đạt chất lượng theo quyết định số:2286/QĐ-UBND ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Tiểu Cần.

**4.5.3.** ĐượcỦy ban nhân dân huyên công nhận đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS (Mức độ 3) theo quyết định số: 3774/QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2022.

**4.5.4**. ĐượcỦy ban nhân dân huyên công nhận đạt chuẩn xóa mù chữ (Mức độ 2) theo quyết định số: 3773/QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2022.

**4.5.5**. Cộng đồng học tập cấp xã được Ủy ban nhân dân huyện đánh giá, xếp loại khá theo quyết định số:1118/QĐ-UBND ngày 11 tháng 4 năm 2019.

**4.5.6.** Có 04 mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền như: Mô hình thực hiện bửa ăn học đường bảo đảm dinh dưỡng hợp lý kết hợp tăng cường hoạt động thể lực cho trẻ, Câu lạc bộ cầu long,….

***\* Tổng kinh phí thực hiện: 24,782 tỷ đồng, trong đó:***

*- Vốn địa phương:*

*+ Vốn tỉnh: 14,611 tỷ đồng.*

*+ Vốn huyện: 10,04 tỷ đồng.*

*- Vốn doanh nghiệp: 0,131. tỷ đồng.*

**c) Đánh giá: *Đạt so yêu cầu tiêu chí***

**4.6. Tiêu chí số 6 về văn hóa**

**a) Yêu cầu của tiêu chí:**

**4.6.1.** Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên.

**4.6.2.** Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định.

**4.6.3.** Tỷ lệ thôn, bản, ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định và đạt chuẩn nông thôn mới.

**b) Kết quả thực hiện tiêu chí:**

Xã được đầu tư xây dựng Nhà văn hóa ấp Cây gòn và nâng cấp hoàn thiện nhà văn hóa các ấp còn lại đạt tiêu chuẩn quy định; công trình UBND xã hạng mục vĩa hè - sân - bồn hoa và sửa chữa khu hành chính xã tạo khuôn viên xanh - sạch -đẹp. Đầu tư các dụng cụ vui chơi giải trí cho người già và trẻ em, đảm bảo phục vụ tốt nhu cầu vui chơi, giải trí cho người già và trẻ em. Cụ thể:

**4.6.1.** Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở các điểm công cộng, Xã có Nhà văn hóa gồm 04 phòng chức năng *(có tủ sách có trên 300 đầu sách, phòng đọc sách, báo và thư viện);* Hội trường 200 chỗ ngồi; Sân bóng đá xã 7.000m2, tận dụng khuôn viên nhà văn hóa và khu thể thao 6/6 ấp, sân trường học, lắp đặt các dụng cụ ngoài trời làm điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi; Thành lập mới và duy trì các câu lạc bộ Đờn ca tài tử, câu lạc bộ đóng đá, bóng chuyền .... Hàng năm Ủy ban nhân dân xã có tổ chức các giải bóng đá, bóng chuyền, kéo co, giao lưu đờn ca tài tử... thu hút hơn 1.550 lượt người tham gia.

**4.6.2**. Trên địa bàn ấp Tân Trung Giồng A có Gò ông Tà được UBND tỉnh kiểm kê đưa vào di tích văn hóa theo Quyết định số: 135/QĐ-UBND ngày 18 tháng 01 năm 2022.

**4.6.3.** Hàng năm 6/6 ấp được công nhận ấp đạt chuẩn ấp văn hóa, ấp Nông thôn mới. trong đó có 02 ấp được khen thưởng có thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ, 341 hộ được tuyên dương, khen thưởng có nhiều đóng góp trong phong trào. Năm 2022, 6/6 ấp được trên công nhận ấp đạt chuẩn ấp Văn hóa, ấp Nông thôn mới theo quyết định số: 3614/QĐ-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Tiểu Cần.

***\* Tổng kinh phí thực hiện: 4,95 tỷ đồng, trong đó:***

*- Vốn Trung ương: 0,800 tỷ đồng.*

*- Vốn địa phương:*

*+ Vốn tỉnh: 2,46 tỷ đồng.*

*+ Vốn huyện: 1,69 tỷ đồng.*

**c) Đánh giá: *Đạt so yêu cầu tiêu chí***

**4.7. Tiêu chí số 7 về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn**

**a) Yêu cầu của tiêu chí:**

Có mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm, hoặc chợ đáp ứng yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm.

**b) Kết quả thực hiện:**

Xã có 01 chợ loại III với diện tích 2.300 m2 với diện tích nhà lồng chợ 198 m2 đảm bảo cho việc buôn bán của người dân. Xây dựng nhà vệ sinh công cộng gồm 02 phòng, diện tích 12m2 và hệ thống cấp, thoát nước đảm bảo khô thoáng. Có bố trí nơi để xe và bố trí người giữ xe, đảm bảo an toàn. Có bố trí bình chửa cháy trong khu vực chợ. Được Ủy ban nhân dân Huyện Tiểu Cần ban hành quyết định thành lập ban quản lý chợ với 10 thành viên[[10]](#footnote-10)*;* Quyết định phê duyệt nội quy chợ[[11]](#footnote-11); Phương án bố trí, sắp xếp các ngành hàng[[12]](#footnote-12) và có niêm yết công khai đúng quy định. Có bố trí cân đối chứng tại chợ để nhân dân kiểm tra hàng hóa. Các hàng hóa, dịch vụ kinh doanh tại chợ đều thực hiện đúng quy định. 64/64 hộ kinh doanh mua bán điều đăng ký kinh doanh và đảm bảo môi trường, an toàn thực phẩm theo quy định. Ủy ban nhân dân xã có thực hiện ký kết hợp đồng với đơn vị thu gom rác thải với tầng xuất 02 ngày 01 lần đảm bảo vệ sinh môi trường.

***\* Tổng kinh phí thực hiện: 0,365 tỷ đồng, trong đó:***

*Vốn tỉnh: 0,365 tỷ đồng.*

**c) Đánh giá: *Đạt so yêu cầu tiêu chí***

**4.8. Tiêu chí số 8 về thông tin và truyền thông**

**a) Yêu cầu của tiêu chí:**

**4.8.1.** Có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân. (đạt)

**4.8.2.** Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh. (80%)

**4.8.3.** Có dịch vụ báo chí truyền thông.

**4.8.4.** Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội và tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới.

**4.8.5.** Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng,…).

**b) Kết quả thực hiện:**

**4.8.1.** Có 01 điểm Bưu điện văn hóa đang hoạt động tốt đảm bảo cung cấp 02 dịch vụ bưu chính và viễn thông đạt tiêu chuẩn theo quy định.

**4.8.2.** Có 9.364/10.729 người dùng thuê bao điện thoại thông minh đạt 87,27%.

**4.8.3.** Có 6/6 ấp được cung cấp dịch vụ điện thoại, đăng nhập Internet đáp ứng nhu cầu truy cập thông tin, đọc báo và liên lạc cho Nhân dân, 01 điểm bưu điện, 02 điểm bán sách, 04 điểm truy cập Internet...

**4.8.4.** Xã luôn ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý và điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội *(sử dụng hệ thống điện tử, các phần mềm trong quản lý ISO, đoàn viên, hội viên,…)*. Đồng thời sữ dụng phần mền Thông tin điện tử thành phần vào công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống, kinh tế- xã hội và lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới, đã đưa 02 cán bộ tập huấn cập nhật cơ sở dữ liệu.

**4.8.5.** Ủy ban nhân dân xã có lắp đặt nhiều điểm có mạng wifi miễn phí nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người dân dễ dàng truy cập khoa học công nghệ.

***\* Tổng kinh phí thực hiện: 0,683 tỷ đồng, trong đó:***

*- Vốn địa phương:*

*- Vốn lồng ghép: 0,096 tỷ đồng.*

*- Vốn doanh nghiệp: 0,035 tỷ đồng.*

*- Vốn dân: 0,552 tỷ đồng.*

**c) Đánh giá: *Đạt so yêu cầu tiêu chí***

**4.9. Tiêu chí số 9 về nhà ở dân cư**

**a) Yêu cầu của tiêu chí:**

Tỷ lệ nhà ở kiên cố hoặt bán kiên cố (90%).

**b) Kết quả thực hiện tiêu chí:**

Từ năm 2014 đến nay trên địa bàn toàn xã được trên đầu tư xây dựng 335 căn nhà cho gia đình chính sách theo quyết định số 22, được sự hổ trợ của các mạnh thường quân trong và ngoài tỉnh xây dựng 49 căn nhà tình thương cho hộ nghèo hộ cận nghèo, người dân tự xây dựng 578 căn nhà. Hiện nay trên địa bàn toàn xã có 2.642/2.651 hộ có nhà ở kiên cố. Đạt 99,6%. ***(tăng 7,31% so với năm 2014).***

***\* Tổng kinh phí thực hiện: 145,512 tỷ đồng, trong đó:***

*- Vốn Trung ương: 46,59 tỷ đồng.*

*- Vốn địa phương:*

*+ Vốn tỉnh: 5,58 tỷ đồng.*

*- Vốn dân: 78,04 tỷ đồng.*

**c) Đánh giá: *Đạt so yêu cầu tiêu chí***

**4.10. Tiêu chí số 10 về thu nhập**

**a) Yêu cầu của tiêu chí:**

Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/người), cụ thể:

- Năm 2021: ≥60 triệu đồng/người/năm;

- Năm 2022: ≥64 triệu đồng/người/năm;

- Năm 2023: ≥68 triệu đồng/người/năm;

- Năm 2024: ≥72 triệu đồng/người/năm;

- Năm 2025: ≥76 triệu đồng/người/năm.

**b) Kết quả thực hiện tiêu chí:**

- Đảng bộ, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các ngành đoàn thể xã có tập trung chỉ đạo vận động người dân chuyển đổi cơ cấu sản xuất, đào tạo nghề, mở các lớp tập huấn chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật, phát triển kinh tế hộ gia đình gắn với kinh tế hợp tác, xây dựng nhiều mô hình kinh tế làm ăn có hiệu quả, giúp nhau phát triển kinh tế gia đình, giảm nghèo bền vững.

- UBND xã phối hợp với các Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn, ngân hành chính sách xã hội huyện tạo mọi điều kiện cho người dân vay vốn phát triển sản xuất, nhất là trồng trọt và chăn nuôi, góp phần nâng cao thu nhập cho người dân.

- Qua kết quả điều tra và thu thập số liệu của từng biểu, từ biểu 1 đến biểu 8 (thu từ trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy sản, doanh nghiệp, hộ sản xuất kinh doanh cá thể và thu từ tiền công, tiền lương). Thu nhập bình quân đầu người năm 2022 đạt 65.050.000 đồng/người/năm. ***(tăng 35.050.000 đồng/người/năm so với năm 2014).***

**c) Đánh giá: *Đạt so yêu cầu tiêu chí***

**4.11. Tiêu chí số 11 về nghèo đa chiều:**

**a) Yêu cầu của tiêu chí:**

Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021 – 2025 *(trừ các hộ nghèo thuộc đối tượng chính sách bảo trợ xã hội)* chiếm dưới 2.5%.

**b) Kết quả thực hiện:**

- Đảng bộ, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và các ngành có liên quan thường xuyên gặp gỡ, quan tâm, đối thoại với hộ nghèo để tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng, những khó khăn của các hộ nghèo. Từ đó có giải pháp giúp đỡ tháo gỡ, động viên hộ nghèo vươn lên thoát nghèo bền vững.

- Thực hiện tốt các chính sách giảm nghèo, chính sách an sinh xã hội để hỗ trợ cho hộ nghèo[[13]](#footnote-13). Qua kết quả phúc tra, rà soát hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều năm 2022, hiện xã có 27 hộ nghèo, 65 hộ cận nghèo (trong đó có 17 hộ nghèo bảo trợ, 11 hộ cận nghèo bảo trợ),chiếm 2,41% so với tổng số hộ chung. ***(giảm 13,81% so với năm 2014).***

***\* Tổng kinh phí thực hiện: 19,3 tỷ đồng, trong đó:***

*- Vốn Trung ương: 7,63 tỷ đồng.*

*+ Vốn tỉnh: 0,72 tỷ đồng.*

*+ Vốn huyện: 10,76 tỷ đồng.*

*- Vốn doanh nghiệp: 0,1 tỷ đồng*

*- Vốn dân: 0,1 tỷ đồng.*

**c) Đánh giá: *Đạt so yêu cầu tiêu chí***

**4.12. Tiêu chí số 12 về lao động.**

**a) Yêu cầu của tiêu chí:**

**4.12.1.** Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) (≥ 75%).

**4.12.2.** Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) (≥ 30%).

**4.12.3.** Tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành kinh tế chủ lực trên địa bàn (≥ 35%).

**b) Kết quả thực hiện:**

Xã có 32 lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, tạo việc làm mới được 2.451 lao động trong và ngoài tỉnh. Thực hiện tốt công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn, tạo mọi điều kiện làm ăn để duy trì việc làm thường xuyên cho 6.257 lao động tại địa phương, cụ thể:

**4.12.1.** Trên địa bàn xã có 5.285/7.015 người trong độ tuổi lao động qua đào tạo, đạt 75,34%.

**4.12.2**. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ có 2.525/7.015 lao động. Đạt 35,99%.

**4.12.3.** Tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành kinh tế chủ lực trên địa bàn có 2.456 /7.015 lao động. Đạt 35,01%.

***\* Tổng kinh phí thực hiện: 0,606 tỷ đồng, trong đó:***

*- Vốn Trung ương: 0,126 tỷ đồng.*

*- Vốn địa phương:*

*- Vốn dân: 0,48 tỷ đồng.*

**c) Đánh giá: *Đạt so yêu cầu tiêu chí***

**4.13. Tiêu chí số 13 về tổ chức sản xuất**

**a) Yêu cầu của tiêu chí:**

**4.13.1**. Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định (≥ 1).

**4.13.2.** Xã có ít nhất 01 sản phẩm được công nhận đạt chuẩn OCOP từ 3 sao trở lên và còn thời hạn (≥ 1).

**4.13.3.** Có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm (≥ 1).

**4.13.4.** Có ít nhất 01 sản phẩm chủ lực có ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc (≥ 1).

**4.13.5.** Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử (≥ 10%).

**4.13.6.** Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng.

**4.13.7.** Có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội (nếu có).

**4.13.8.** Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hoá, môi trường) (≥ 1).

**b) Kết quả thực hiện:**

**4.13.1.** Xã có 01 Hợp tác xã[[14]](#footnote-14) hoạt động hiệu quả và đảm bảo đúng theo quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012, với các lĩnh vực hoạt động như: Cung cấp vật tư nông nghiệp *(Giống lúa, phân bón, thuốc BVTV)*, các dịch vụ nạo vét kênh thủy lợi nội đồng, Tháo dở công trình; xây dựng dân dụng;... Ngoài ra hợp tác xã còn vận động nhân dân tham gia vào mô hình cánh đồng mẫu lớn trên địa bàn ấp Cây Gòn[[15]](#footnote-15) nhằm tăng năng suất và lợi nhuận của người dân, đạt doanh thu năm 2022 là 150.000.000đ, lợi nhuận 25.000.000 chiếm 16,6%.

**4.13.2.** Xã có 01 sản phẩm ( Chả lụa Năm Nghĩa) đã hoàn thành hồ sơ chờ tỉnh công nhận đạt chuẩn OCOP. ( ước đạt trong tháng 12)

**4.13.3.** Trên địa bàn xã có 01 mô hình cơ giơi hóa vào các khâu sản xuất trên địa bàn ấp Cây gòn với diện tích 105ha, qua đó nâng cao chất lượng sản xuất của người dân trên địa bàn xã.

**4.13.4.** Xã có 02 sản phẩm chủ lực Lúa giống, Gạo của hợp tác xã NN Thạnh Trung đang thực hiện chuyển đổi số thực hiện truy xuất nguồn .

**4.13.5.** Lúa giống, Gạo của HTX Thạnh Trung được quảng bá rộng rải qua kênh thương mại điện tử, Zalo, Facebook… nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm và giá cả thị trường, qua đó đã kết nối được đầu ra cho sản phẩm nâng cao thu nhập ổn định cho người dân trên địa bàn xã.

**4.13.6.** Xã đang đề nghị về trên cấp mã vùng trồng Lúa với diện tích 105ha của 320 hộ trên địa bàn ấp Cây Gòn).

**4.13.7.** Trên địa bàn xã không có điểm du lịch.

**4.13.8.** Có 01 mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (Rau an toàn) qua mô hinh đã nâng cao thu nhập cho người dân, tạo được việc làm cho nhiều lao động ở địa phương, giữ gìn bản sắc văn hóa không gây ô nhiểm môi trường.

***\* Tổng kinh phí thực hiện: 7,7 tỷ đồng, trong đó:***

*- Vốn Trung ương: 2,92 tỷ đồng.*

*- Vốn địa phương:*

*+ Vốn tỉnh: 1,59 tỷ đồng.*

*+ Vốn huyện: 2,86 tỷ đồng.*

*- Vốn tín dụng: 0,315 tỷ đồng.*

*- Vốn lồng ghép: 2,57 tỷ đồng.*

**c) Đánh giá: *Đạt so yêu cầu tiêu chí***

**4.14 Tiêu chí số 14 về Y tế**

**a) Yêu cầu của tiêu chí:**

**4.14.1.** Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) (≥ 95%).

**4.14.2.** Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) (≥ 90%).

**4.14.3.** Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) (≥ 40%).

**4.14.4**. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử (≥ 70%).

**b) Kết quả thực hiện:**

Ngoài các chính sách hỗ trợ của Nhà nước cho đối tượng người có công, bảo trợ xã hội, cán bộ, công chức, viên chức đến hộ nghèo, hộ cận nghèo, Ban chỉ đạo xã còn chỉ đạo các ngành có liên quan tập trung vận động người dân tham gia bảo hiểm y tế, hướng dẫn các nội dung nhằm thực hiện đảm bảo các yêu cầu của người dân về y tế, cụ thể như sau:

**4.14.1.** Toàn xã có 10.213/10.729 người dân tham gia BHYT, đạt tỷ lệ 95.19%. ***(tăng 20,29% so với năm 2014)***.

**4.14.2.** Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe được 10.219/10.729 đạt 95,24%

**4.14.3.** Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa đạt 4.531/10.729 đạt 42,23%.

**4.14.4.** Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử được 7.982/10.729 đạt 74,39%.

***\* Tổng kinh phí thực hiện: 16,22 tỷ đồng, trong đó:***

*- Vốn địa phương:*

*+ Vốn tỉnh: 11,49 tỷ đồng.*

*+ Vốn huyện: 4,10 tỷ đồng.*

*- Vốn dân: 0,63 tỷ đồng.*

**c) Đánh giá: *đạt so yêu cầu tiêu chí***

**4.15. Tiêu chí số 15 về hành chính công:**

**a) Yêu cầu của tiêu chí:**

**4.15.1.** Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính.

**4.15.2.** Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên.

**4.15.3**. Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định không để xãy ra khiếu nại vướt cấp.

**b) Kết quả thực hiện:**

**4.15.1.** Duy trì và thực hiện tốt công tác cải cách, đơn giản hóa thủ tục hành chính cho các tổ chức, công dân đảm bảo đúng quy định, từng bước nâng cao tinh thần, thái độ phục vụ của cán bộ, công chức, không gây phiền hà cho Nhân dân. Trong năm tiếp nhận giải quyết 5.495 hồ sơ, trả kết quả hồ sơ đúng hẹn đạt 100%. Rà soát, tiến hành xây dựng quy trình nội bộ, quy trình điện tử đối với các thủ tục hành chính cấp xã được Chủ tịch UBND tỉnh ban hành. Tiếp nhận 399 văn bản các loại của trên gửi đến; ban hành 735 văn bản chỉ đạo điều hành liên quan đến các lĩnh vực. Thực hiện tốt việc duy trì, áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015. Đồng thời, thực hiện tốt công tác gửi, nhận văn bản điện tử qua hệ thống I-Office.

**4.15.2.** Công tác giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định không gây phiền hà cho người dân và không có khiếu nại.

**4.15.3.** Có 100% cán bộ, công chức xã chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật, trong thực hiện nhiệm vụ có thể hiện tốt đạo đức công vụ như: tác phong, ứng xử, thái độ,… khi tiếp xúc Nhân dân, đúng theo quy định tại Quyết định số 129/2007/QĐ-TTg, ngày 02/08/2007 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Quy chế văn hoá công sở tại các cơ quan hành chính nhà nước; Quyết định số 1847/QĐ-TTg, ngày 27/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Văn hóa công vụ; Quyết định số 03/2007/QĐ-BNV, ngày 26/02/2007 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong bộ máy chính quyền địa phương. Công tác giải quyết thủ tục hành chính luôn đảm bảo không gây ra phiền hà, khiếu nại của người dân.

**c) Đánh giá: *Đạt so yêu cầu tiêu chí***

**4.16. Tiêu chí số 16 về tiếp cận pháp luật:**

**a) Yêu cầu của tiêu chí:**

**4.16.1.** Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận( ≥ 1%).

**4.16.2.** Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải thành ( ≥ 90%).

**4.16.3.** Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu ( ≥ 90%).

**b) Kết quả thực hiện:**

**4.16.1.** Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật luôn được quan tâm, đảm bảo. Công tác hòa giải ở cơ sở hoạt động đạt hiểu quả cao được trên công nhận là xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật hàng năm[[16]](#footnote-16). Đảng ủy, Ủy ban nhân dân xã quan tâm lãnh, chỉ đạo thành lập nhiều mô hình điển hình, trong đó lấy ý kiến đánh giá có 02 mô hình hoạt động hiệu quả được trên công nhận[[17]](#footnote-17).

**4.16.2.** Công tác hòa giải ở cơ sở luôn được quan tâm lãnh, chỉ đạo, Tổ hòa giải ở cơ sở luôn được kiện toàn kịp thời khi có sự thay đổi về cán bộ do đáp ứng yêu cầu công tác, hàng năm hòa giải viên luôn được đưa đi đào tạo tập huấn về kỹ năng, nghiệp vụ hòa giải ở cơ sở. Năm 2022 nhận 9 đơn hòa giải thành 9 đơn đạt 100%.

**4.16.3.** Ủy ban nhân dân xã có lập danh sách thuộc 7 nhóm đối tượng thuộc diện được trợ giúp pháp lý theo điều 7 của luật trợ giúp pháp lý năm 2017. Trong năm 2022 phân loại trong 9 đơn của tổ hòa giải có 18 người dân trong đó có 02 người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý đã giới thiệu về trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Trà Vinh để được trợ giúp đạt theo quy định, đạt 100%.

***\* Tổng kinh phí thực hiện: 1,4 tỷ đồng, trong đó:***

*- Vốn địa phương:*

*+ Vốn huyện: 0,08 tỷ đồng.*

*+ Vốn tín dụng: 1,32 tỷ đồng.*

**c) Đánh giá: *Đạt so yêu cầu tiêu chí***

**4.17 Tiêu chí số 17 về môi trường và an toàn thực phẩm**

**a) Yêu cầu của tiêu chí:**

**4.17.1.** Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường.

**4.17.2.** Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường ( ≥ 100%).

**4.17.3.** Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định ( ≥ 95%).

**4.17.4.** Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả ( ≥ 35%).

**4.17.5.** Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn ( ≥ 50%).

**4.17.6.** Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường ( 100%).

**4.17.7.** Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường ( ≥ 80%).

**4.17.8.** Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường ( ≥ 85%).

**4.17.9.** Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch (Đạt).

**4.17.10.** Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng ( ≥ 10%).

**4.17.11.** Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn (Chưa có chỉ tiêu).

**4.17.12.** Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gôm, tái sữ dụng, tái chế, xữ lý theo quy định ( ≥ 70%).

**b) Kết quả thực hiện:**

**4.17.1.** Trên địa bàn xã có 01 khu kinh doanh mua bán tập trung (chợ xã) có thành lập ban quản lý thường xuyên tiến hành kiểm tra, xấp xếp, đảm bảo hoạt động buôn bán vào nề nếp, được Ủy ban nhân dân huyện ra quyết định phê duyệt đạt hạ tầng kỹ thuật, bảo vệ môi trường.

**4.17.2.** Xã có 210 cơ sở sản xuất, kinh doanh đăng ký cam kết bảo vệ môi trường, đạt 100%. Hàng năm, UBND xã có xây dựng kế hoạch kiểm tra công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn xã, thường xuyên phối hợp với cơ quan chuyên môn của huyện thực hiện công tác kiểm tra đối với các cơ sở, hộ gia đình sản xuất kinh doanh trên địa bàn. Qua đó kịp thời xử lý những vấn đề mới phát sinh, tránh gây ô nhiễm.

**4.17.3.** Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, chợ, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định.

Đối với rác thải sinh hoạt phát sinh khoảng: 4,3 tấn/ngày *(tương đương 10.729 người\*0,35 kg/ ngày)*

Trên địa bàn toàn xã có 56 thùng chứa rác bố trí dọc tuyến Quốc lộ 60; Tuyến Hương lộ II ấp Tân Trung Giồng A, Chợ xã Hiếu Trung và các điểm trường[[18]](#footnote-18). Rác thải sinh hoạt trên địa bàn xã phát sinh được Phòng Tài nguyên và Môi trường ký hợp đồng thu gom bằng xe ô tô chuyên dụng với Công ty Môi trường Hậu Giang, tần suất thu gom 2 ngày/lần được vận chuyển về bãi rác có địa chỉ ở xã Tập Ngãi, lượng rác thu gom trung bình mỗi ngày được 0,41 tấn *(tương đương 10.729 người\*0,35 kg/ ngày)*. Đồng thời, có một mô hình xử lý rác thải sinh hoạt tại hộ gia đình với 130 hộ thực hiện, lượng rác thải sinh hoạt được xử lý hàng ngày của các hộ này được 0.2 tấn.

Ngoài ra, xã còn có 02 câu lạc bộ hạn chế sử dụng túi ni long và nói không với đồ nhựa dùng 01 lần với 35 thành viên tại ấp Phú Thọ II và ấp Tân Trung Giồng B; 6/6 có ấp câu lạc bộ môi trường của hội cựu chiến binh với 215 thành viên; Có 01 lò đốt rác tại ấp Tân Trung Giồng A sử dụng chung cho khoảng 85 hộ. Các hộ gia đình tại các ấp chưa có hệ thống thu gom thì thực hiện xử lý chất thải theo hướng dẫn của Ủy ban nhân dân xã không được đổ chất thải ra đường, ao hồ, kênh rạch,...

**4.17.4**. Đối với nước thải sinh hoạt hộ gia đình: Xã có 2.651 hộ, lượng nước thải sinh hoạt khoảng 333m3/ngày đêm, có 2.651 hộ thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả bằng bể tự hoại đạt 100%.

Ngoài ra, trên địa bàn xã có 7 tổ chức đều có công trình biện pháp xử lý nước thải phù hợp (Chợ, trạm y tế, khu hành chính xã, trường Mẫu giáo, trường Tiểu học, trường Trung học cơ sở) với khối lượng nước thải phát sinh khoảng 62m3/ngày đêm và đều được thu gom xử lý phù hợp.

**4.17.5.** Phân loại rác tại nguồn chủ yếu chia thành 3 loại: Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế; Chất thải thực phẩm; Chất thải rắn sinh hoạt khác.

- Việc tổ chức triển khai hoạt động phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn phát sinh từ hộ gia đình:

+ Được Phòng Tài nguyên – Môi trường hỗ trợ 62 thùng đựng rác, xã thực hiện được mô hình thu gom, phân loại, xử lý rác thải sinh hoạt.

+ Hội LHPN xã thành lập được 6 CLB phụ nữ hạn chế sử dụng túi nilon có 93 thành viên. Song song đó, các hội viên, đoàn viên đều thực hiện tốt việc thu gom, phân loại, xử lý rác thải sinh hoạt theo hướng dẫn của cán bộ hội.

- Rác thải sinh hoạt phát sinh của hộ gia đình sau khi thực hiện phân loại thì được quản lý như sau:

+ Đối với chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế: được hộ bán phế liệu tái sử dụng đựng đồ đạc,...

+ Đối với chất thải thực phẩm: được hộ ủ phân bón cây trồng, dùng làm thức ăn chăn nuôi, chôn lấp làm tăng độ phì nhiêu cho đất, một số được đơn vị thu gom vận chuyển về bãi rác xã Tập Ngãi.

Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn 1.627/2.651 đạt 61.3%.

**4.17.6.** Rác thải y tế được xử lý 100%. Chất thải nguy hại từ nông nghiệp (bao bì thuốc bảo vệ thực vật), miễn chay, ly… luôn được xữ lý.

- Đối với chất thải nông nghiệp: Tổ chức thu gom, vận chuyển và xử lý bao bì thuốc bảo vệ thực vật sau khi sử dụng phát sinh trên địa bàn theo quy định theo Thông tư liên tịch số 05/2016/TTLT-BNNPTNT-BTNMT. Trên địa bàn xã có bố trí 25 bể chứa bao bì thuốc bảo vệ thực vật, hàng quý thu gom khoảng 160 kg, các chất thải này được thu gom và xử lý theo quy chuẩn bảo vệ môi trường thuộc chương trình hỗ trợ của chi cục trồng trọt và Bảo vệ thực vật.

- Đối với chất thải Y tế: Rác thải y tế trên địa bàn và nước thải y tế tại Trạm y tế được xử lý đúng quy định theo Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT. Rác thải tại Trạm y tế xã được thu gom về kho chứa của Trung tâm y tế huyện và vận chuyển đi xử lý theo hợp đồng xử lý rác thải Y tế số 24/HĐ-TTYT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của TTYT huyện với TYT xã Hiếu Trung.

Xã có xây dựng Quy ước về bảo vệ môi trường 6/6 ấp và được UBND huyện phê duyệt theo Quyết định số 2715/QĐ-UBND ngày 8/9/2022.

**4.17.7.** Xã có 1.752 hộ trồng trọt, gồm lúa, trồng rau màu và cây ăn trái nhỏ lẻ, với tổng diện tích 2.023 ha. Trong năm, khối lượng phụ phẩm của các loại cây trồng phát sinh phụ phẩm được thu gom, xử lý, tái sử dụng đạt 100%.

Xã có 1.794 hộ chăn nuôi gia súc gia cầm, với số lượng 20.191 con, lượng chất thải phát sinh trong năm khoảng hơn 1.103,3 tấn, tổng lượng chất thải được thu gom, xử lý là 955,9 tấn, đạt 86,64%.

**4.17.8.** Có 1.602/1.794 hộ có chuồng trại chăn nuôi hợp vệ sinh, đạt 89,23%.

Được vệ sinh định kỳ bảo đảm phòng ngừa, ứng phó dịch bệnh. Không phát sinh mùi hôi thối khó chịu gây ảnh hưởng đến người dân xung quanh, chất thải chăn nuôi được thu gom và xử lý cơ bản đúng theo quy định.

**4.17.9.** Xã sử dụng nghĩa trang nhân dân chung của huyện tại ấp cây hẹ, xã Phú Cần. Xã 01 nhà hỏa táng tại chùa Kong Pong Més ấp Tân Trung Giồng A.

**4.17.10.** Tổng số người tử vong trên địa bàn xã là 42 người, trong đó 18 người sữ dụng hình thức hỏa táng, đạt 42.8%.

**4.17.11.** Hàng năm Ủy ban nhân dân xã chỉ đạo các ngành đoàn thể xã ra quân trồng hơn 9.500 cây xanh ven đường, 2.750 cây xanh ở các điểm công cộng[[19]](#footnote-19) và xây dựng các tuyến đường hoa trên địa bàn, góp phần cải tạo môi trường và là trung tâm vui chơi, thể dục thể thao cho người dân. Hiện nay đất cây xanh sử dụng công cộng là 2.500m2/10.729 người = 4,8m2/người.

**4.17.12.** Chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn xã chủ yếu từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, hoạt động sinh hoạt hàng ngày của hộ gia đình, cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ,...

Thời gian qua, xã đã quan tâm thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động và hướng dẫn người dân thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý chất thải nhựa. Không thải ra ao hồ, sông rạch, nơi công cộng,... làm mất vẻ mỹ quan và ô nhiễm môi trường, xã có 10.729 người, lượng rác thải nhựa phát sinh khoảng 160 tấn/năm (tương đương 438,36kg/ngày), lượng rác thải nhựa được thu gom, xử lý khoảng 115 tấn (tương đương 315,1kg/ngày), đạt 71,9%.

***\* Tổng kinh phí thực hiện: 11,47 tỷ đồng, trong đó:***

*+ Vốn tỉnh: 3,69 tỷ đồng.*

*+ Vốn huyện: 1,26 tỷ đồng.*

*+ Vốn tín dụng: 2,675 tỷ đồng.*

*- Vốn doanh nghiệp: 3,4 tỷ đồng.*

*- Vốn dân: 0,45 tỷ đồng.*

**c) Đánh giá: *Đạt so yêu cầu tiêu chí***

**4.18 Tiêu chí số 18 về chất lượng môi trường sống:**

**a) Yêu cầu của tiêu chí:**

**4.18.1**. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung ( ≥ 55%).

**4.18.2.** Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm ( ≥ 60 lít).

**4.18.3.** Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững ( ≥ 40%).

**4.18.4.** Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm (100%).

**4.18.5.** Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã (Không).

**4.18.6.** Tỷ lệ cơ sở sơ, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm (100%).

**4.18.7.** Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch( ≥ 80%).

**4.18.8.** Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường (100%).

**b) Kết quả thực hiện:**

**4.18.1**. Tỷ lệ hộ sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch:

- Nước hợp vệ sinh: Toàn xã có 2.651/2.651 hộ sử dụng nước hợp vệ sinh, đạt 100%.

- Nước sạch: Tổng số hộ sữ dụng nước sạch 2.103/2.651 đạt 79.33%. ***(So với thời điểm được công nhận xã nông thôn mới năm 2014 tăng 51.72%)***

**4.18.2.** Nâng cấp trạm cấp nước xã Hiếu Trung, mở rộng 27 tuyến ống, dài 32,7 km , kinh phí 2,36 tỷ đồng. Hiện trên địa bàn xã có trung tâm cung cấp nước sinh hoạt tập trung và các đường ống nước sạch phủ đều 6/6 ấp lưu lượng đảm bảo 84 lít/người.

**4.18.3.** Trạm cung cấp nước sạch của xã luôn được Ủy ban nhân dân xã quan tâm hỗ trợ hoạt động, được Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Trà Vinh quan tâm nâng cấp các tuyến ống đảm bảo phủ đều 6/6 ấp. Phân công 03 cán bộ trực xuyên suốt khắc phục ngay những sự cố xãy ra đảm bảo trạm cấp phát nước hoạt động bền vững.

**4.18.4.** Trên địa bàn xã có 1.347 cơ sở, hộ gia đình sản xuất, kinh doanh thực phẩm (1.257 cơ sở thuộc lĩnh vực nông nghiệp, 20 cở sở lĩnh vưc công thương, 70 cơ sở lĩnh vực y tế) trong đó 10 cơ sở, hộ gia đình sản xuất kinh doanh thực phẩm được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP, tất cả các cơ sở tham gia đầy đủ các lớp tập huấn về ATTP.

**4.18.5.** Trong những năm qua công tác ATTP luôn được xã quan tâm triển khai thực hiện, trên địa bàn không có trường hợp nào xãy ra ngộ độc thực phẩm được trên công nhận xã an toàn thực phẩm.

**4.18.6.** Có 1.347/1.347 hộ gia đình, cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ thực hiện ký cam kết quy định về an toàn thực phẩm, đạt 100%.

**4.18.7.** Xã luôn tập trung tuyên truyền, vận động nhân dân đăng ký xây dựng nhà tiêu, nhà tắm hợp vệ sinh bằng nhiều hình thức thông qua các nguồn vốn tín dụng, vốn tài trợ, vốn tự có của dân,… Kết quả vận động xây mới 280 hố xí hợp vệ sinh, kinh phí 0,6 tỷ đồng. Nay toàn xã có 2.450/2.651 hộ gia đình xây dựng nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch, đạt 92,41% đúng theo nội dung cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không 3 sạch”. Vận động xây dựng 192 hầm biogas, kinh phí 2,88 tỷ đồng. Hiện toàn xã có 1.602/1794 hộ có chuồng trại chăn nuôi hợp vệ sinh, đạt 89,23%

**4.18.8.** Chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn luôn được đảm bảo vệ sinh môi trường (100%).

**c) Đánh giá: *Đạt so yêu cầu tiêu chí***

**4.19. Tiêu chí số 19 về quốc phòng và an ninh**

**a) Yêu cầu của tiêu chí:**

**4.19.1.** Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân.

**4.19.2**. Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên; có mô hình camera an ninh và các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả.

**b) Kết quả thực hiện:**

**4.19.1**. Đảng ủy, Ủy ban nhân dân xã kịp thời ban hành Nghị quyết, kế hoạch thực hiện công tác Quốc phòng quân sự địa phương. Xây dựng đầy đủ các kế hoạch đúng theo quy định.

- Hàng năm cử cán bộ tham gia các lớp bồi dưỡng kiến thức Quốc phòng – An ninh, tập huấn đạt chỉ tiêu trên giao. Chủ động phối hợp với lực lượng công an theo Nghị định 03, 02 của Chính phủ kịp thời giữ vững an ninh chính trị – trật tự an toàn xã hội.Công tác xây dựng lực lượng DQ đúng theo biên chế và đề án của UBND tỉnh. Quản lý, sử dụng lực lượng đúng theo quy định. Trong đó chất lượng Đảng viên trong lực lượng dân quân tự vệ chiếm 21,01%. Chi bộ quân sự có Chi ủy.

- Công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ hàng năm đạt chỉ tiêu và chất lượng. Tiếp nhận, đăng ký và quản lý quân nhân xuất ngũ đúng theo Luật lực lượng dự bị động viên.

- Thực hiện tốt công tác chính sách theo quyết định số 49, 290,63… của Thủ tướng Chính phủ.Thực hiện tốt công tác dân vận, tham gia cùng địa phương thực hiện công tác xóa đói giảm nghèo…

- Công tác hậu cần: bảo đảm nơi ăn nghỉ, học tập, công tác sinh hoạt, đầy đủ các chế độ đúng theo đề án của Tỉnh.

- Năm 2022 xã được công nhận xã vững mạnh về Quốc phòng - an ninh.

**4.19.2.** Hàng năm Đảng ủy có đề ra Nghị quyết, UBND xã có xây dựng Kế hoạch về công tác đảm bảo an ninh, trật tự[[20]](#footnote-20); Xã được công nhận đạt tiêu chuẩn xã “an toàn về an ninh trật tự” năm 2022 Trên địa bàn xã không có xảy ra khiếu kiện đông người kéo dài; không xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội được kiềm chế, giảm so với các năm trước.

Xã có 6/6 ấp được công nhận đạt tiêu chuẩn an toàn về ANTT, đạt 100%.

Hiện trên địa bàn xã có 6 mô hình, 09 câu lạc bộ[[21]](#footnote-21) với 92 thành viên, được đánh giá hoạt động hiệu quả.

***\* Tổng kinh phí thực hiện: 0,88 tỷ đồng, trong đó:***

*- Vốn huyện: 0,83 tỷ đồng.*

*- Vốn dân: 0,052 tỷ đồng.*

**c) Đánh giá: *Đạt so yêu cầu tiêu chí***

**5. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng xã nông thôn mới nâng cao**

Tính đến thời điểm hiện tại, đơn vị xã Hiếu Trung không còn nợ đọng đối với các công trình xây dựng cơ bản và các công trình có liên quan đến công tác xây dựng nông thôn mới nâng cao.

**6. Về kế hoạch nâng cao chất lượng các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao**

- Xã giữ vững đạt tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao, tiến tới xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu.

- Phấn đấu có 6/6 ấp của xã được công nhận là ấp nông thôn mới kiểu mẫu.

- Phấn đấu thực hiện duy trì và đạt trên 90% hộ gia đình văn hóa, nông thôn mới.

- Nâng cao bộ mặt nông thôn của xã về kinh tế - xã hội tiếp tục phát triển theo hướng tích cực, đời sống vật chất và tinh thần của người dân được nâng lên và hệ thống chính trị của xã ngày càng vững mạnh.

- Nhà ở đạt chuẩn đúng quy định, đối với các căn chưa đạt chuẩn hướng tới xã tổ chức vận động xây dựng từ nguồn xã hội hóa.

- Thu nhập bình quân hàng năm đạt theo quy định.

- Xã không còn hộ nghèo (trừ hộ nghèo thuộc diện bảo trợ).

- Duy trì từ 95% trở lên hộ trên địa bàn xã có tham gia bảo hiểm y tế.

- Có 100% hộ dân được sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh.

**II. KẾT LUẬN**

**1. Về hồ sơ**

Xã Hiếu Trung có đầy đủ các văn bản theo quy định.

**2. Về kết quả thực hiện và mức độ đạt chuẩn các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao**

Tổng số tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao của xã Hiếu Trung đã được UBND huyện Tiểu Cần thẩm tra đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao tính đến thời điểm thẩm tra là: 19/19 tiêu chí, đạt 100%.

**3.** **Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng xã nông thôn mới nâng cao**

Tính đến thời điểm được UBND huyện thẩm tra, đơn vị xã Hiếu Trung không còn nợ đọng đối với các công trình xây dựng cơ bản và các công trình có liên quan đến công tác xây dựng xã nông thôn mới nâng cao.

**III. KIẾN NGHỊ**

- Các tổ chức chính trị - xã hội, UBND các xã trên địa bàn huyện xem xét, đóng góp ý kiến để UBND huyện hoàn thành báo các kết quả thẩm tra theo quy định.

- Thành viên Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia và Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa huyện xem xét đóng góp ý kiến và biểu quyết thông qua đề nghị công nhận xã Hiếu Trung đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2022.

-Chủ tịch UBND tỉnh thẩm tra công nhận xã Hiếu Trung đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2022./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - UBND tỉnh;  - TT.BCĐ tỉnh;  - VPĐP tỉnh;  - TT.HU;  - TT.HĐND huyện;  - CT, các PCT.UBND huyện;  - BCĐ huyện;  - VPĐP huyện;  - UBND các xã;  - Lưu VT. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN**  **CHỦ TỊCH** |

1. Quyết định số:10,11,12,13,14,15 của UBND xã Hiếu Trung về việc thành lập ban phát triển ấp Tân Trung Giồng A, ấp Tân Trung Giồng B, ấp Tân Trung Kinh, ấp Phú Thọ I, ấp Phú Thọ II, ấp Cây Gòn. [↑](#footnote-ref-1)
2. Quyết định số 1354/QĐ-UBND ngày 19/6/2018 về việc phê duyệt nhiệm vụ đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Hiếu Trung; Quyết định số 2405/QĐ-UBND ngày 28/9//2018 về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Hiếu Trung [↑](#footnote-ref-2)
3. Quyết định số 2890/QĐ-UBND ngày 29/10/2018 của UBND huyện Tiểu Cần [↑](#footnote-ref-3)
4. Tuyến Đường Quốc lộ 60 đến 5 Bạc; Tuyến Đường Hương lộ 25 đến Cả Chương; Tuyến đường Tân Trung Giồng A đến Tân Trung Giồng B. [↑](#footnote-ref-4)
5. Theo quyết định thành lập số:60/QĐ-UBND ngày 8 tháng 8 năm 2022. [↑](#footnote-ref-5)
6. Nạo vét được 25 tuyến kênh trên địa bàn 6/6 ấp. [↑](#footnote-ref-6)
7. 350 hộ chăn nuôi heo, 03 hộ nuôi cá lốc. [↑](#footnote-ref-7)
8. Quyết định số: 08/QĐ-UBND, ngày 09 tháng 02 năm 2022 của Ủy ban nhân dân xã về việc Kiện toàn ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn xã Hiếu Trung. [↑](#footnote-ref-8)
9. Quyết định số: 15/QĐ-UBND, ngày 20 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân xã về phê duyệt ké hoạch phòng chống thiên tai. [↑](#footnote-ref-9)
10. *Theo Quyết định số: 6767/QĐ-UBND, ngày 27/7/2021 của UBND huyện Tiểu Cần.* [↑](#footnote-ref-10)
11. *Theo Quyết định số: 3250/QĐ-UBND, ngày 22/10/2020 của UBND huyện Tiểu Cần.* [↑](#footnote-ref-11)
12. *Theo Quyết định số: 3943/QĐ-UBND, ngày 10/12/2020 của UBND huyện Tiểu Cần.* [↑](#footnote-ref-12)
13. Hỗ trợ cho 55 hộ nghèo theo Quyết định 102; Dự án AMD hỗ trợ cho 45 hộ; Dư án Na Uy hỗ trợ 15 hộ dân; Cho vay ưu đãi hộ nghèo, cận nghèo và thoát nghèo; Tặng 1.350 phần quà cho hộ nghèo và các đối tượngcó hoàn cảnh khó khăn và hỗ trợ covid 19… [↑](#footnote-ref-13)
14. Hợp tác xã nông nghiệp Thạnh Trung vốn điều lệ 1.000.000.000 triệu đồng có 32 thành viên. [↑](#footnote-ref-14)
15. Mô hình cánh đồng mẫu lớn gồm có 6 tổ hợp tác hoạt động trồng lúa chất lượng cao, hiện tích 23ha có 231 hộ dân tham gia. [↑](#footnote-ref-15)
16. Quyết định 269/QĐ-UBND ngày 25 tháng 01 năm 2022 của UBND huyện Tiểu cần. [↑](#footnote-ref-16)
17. Mô hình phổ biến giáo dục pháp luật “7+1”, Mô hình “tổ hòa giải điểm”. [↑](#footnote-ref-17)
18. Tuyến quốc lộ 60 bố trí 16 thùng chứa rác; Chợ xã hiện bố trí 10 thùng chứa; Tuyến Hương lộ II hiện bố trí 15 thùng chứa rác; Trường Tiểu học Hiếu Trung A bố trí 10 thùng; Trường Tiểu học Hiếu Trung B bố trí: 05 thùng; Trường Trung học cơ sở Hiếu Trung hiện bố trí 05 thùng; Trường Mẫu giáo xã Hiếu Trung bố trí 05 thùng chứa rác. [↑](#footnote-ref-18)
19. Sân vận động xã, sân các nhà văn hóa trên địa bàn 6/6 ấp, sân 04 điểm trường, các tuyến đường trên địa bàn xã. [↑](#footnote-ref-19)
20. Kết quả cuối năm 2022: Công tác phòng chống tội phạm xâm phạm về trật tự xã hội: Xảy ra chung 4 vụ 18 đối tượng. [↑](#footnote-ref-20)
21. 06 câu lạc bộ: Tuyên truyên, giáo dục cảm hóa, đối tượng. Quản lý giáo dục người thân trong gia đình không phạm tội. Đảm bảo ATGT. Ban vận động tái hòa nhập cộng đồng. 9 Câu lạc bộ: Tuyên truyền cảm hóa giáo dục đối tượng, Bảo đảm ATGT, Tuyền truyền cảm hóa giáo dục đói tượng, Quản lý giáo dục người thân không vi phạm pháp luật, Đảm bảo ANTT, Ban vận động quỹ tái hòa nhập cộng đồng. [↑](#footnote-ref-21)